

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÓA
TỈNH LONG AN**

Bản án số: 49/2018/DS-ST

Ngày: 04 - 10 - 2018

V/v “t/c hợp đồng mua bán tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng T Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thành Trung.

2. Bà Lâm Thị Bé.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An.

Ngày 04 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 97/2018/TLST-DS ngày 23/5/2018 về việc “*tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2018/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp 3, xã Mỹ Phú, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông Trần Minh T1, sinh năm 1976 và bà Nguyễn Ngọc T2, sinh năm 1978.

Cùng địa chỉ: Ấp 1, xã Tân Tây, huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An.

(ông T có mặt; ông T1 và bà Thủy vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện cũng như lời trình bày tại phiên Tòa, nguyên đơn ông Phạm Văn T trình bày yêu cầu khởi kiện: Ngày 04/02/2018 và ngày 22/02/2018, ông T bán cho ông T1 và bà T2 đồ điện gia dụng với tổng số tiền của 02 lần bán là 12.455.000đ, ông T1 và bà T2 đã trả 370.000đ và còn nợ lại ông T 12.085.000đ. Mặc dù đã được ông T đòi nhiều lần nhưng ông T1 và bà T2 không thanh toán số tiền trên cho ông T. Nay ông T khởi kiện yêu cầu ông T1 và bà T2 liên đới trả 12.085.000đ, không yêu cầu tính lãi. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T cung cấp hóa đơn bán lẻ ngày 04/02/2018, hóa đơn bán lẻ ngày 22/02/2018.

- *Bị đơn*: Ông Trần Minh T1 và bà Nguyễn Ngọc T2 được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do và không có văn bản thể hiện ý kiến về yêu cầu của nguyên đơn. Do đó Tòa án xét xử vắng mặt ông T1 và bà T2 theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết*: Xét quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản chịu sự điều chỉnh của Bộ luật dân sự nên theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa.

[2] *Về việc giải quyết vắng mặt bị đơn Trần Minh T1 và Nguyễn Ngọc T2*: Ông T1 và bà T2 được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T1 và bà T2.

[3] *Về nội dung yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T*: Ông T yêu cầu ông T1 và bà T2 liên đới trả 12.085.000đ phát sinh từ hợp đồng mua bán đồ điện gia dụng. Ông T cung cấp đơn bán lẻ ngày 04/02/2018 và hóa đơn bán lẻ ngày 22/02/2018 thể hiện bà T2 có mua đồ điện gia dụng của ông T và còn nợ lại số tiền 12.085.000đ có ký tên người nhận hàng là bà T2. Bị đơn Trần Minh T1 và Nguyễn Ngọc T2 không có ý kiến hay văn bản nào phản đối yêu cầu của ông T, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì việc bà T2 có mua đồ điện gia dụng của ông T và chưa thanh toán số tiền còn nợ lại là 12.085.000đ cho ông T. Bà T2 và ông T1 là vợ chồng hiện đang sống chung, bà T2 mua đồ gia dụng là để phục vụ nhu cầu chung của gia đình nên đây là khoản nợ chung của bà T2 và ông T1.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T đối với ông Trần Minh T1 và bà Nguyễn Ngọc T2.

[4] *Về án phí*: Ông Trần Minh T1 và bà Nguyễn Ngọc T2 phải chịu 5% x 12.085.000đ = 604.250đ tiền án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước. Ông Phạm Văn T không phải chịu án phí, hoàn trả cho ông T 302.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004098 ngày 23/5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Hóa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 39 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 430, 440, 468, 288 và Điều 357 của Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T đối với ông Trần Minh T1 và bà Nguyễn Ngọc T2 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

Buộc ông Trần Minh T1 và bà Nguyễn Ngọc T2 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Phạm Văn T số tiền 12.085.000đ phát sinh từ tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

T hợp ông Trần Minh T1 và bà Nguyễn Ngọc T2 chậm trả thì ông T1 và bà T2 còn phải liên đới trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Ông Trần Minh T1 và bà Nguyễn Ngọc T2 phải liên đới chịu 604.250đ tiền án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước. Ông Phạm Văn T không phải chịu án phí, hoàn trả cho ông T 302.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004098 ngày 23/5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Hóa.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

T hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thanh Hóa;
- THADS huyện Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Phùng T Thọ